

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/DS-ST

Ngày: 22-7-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Minh.

2. Bà Trần Thị Đổi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 328/2025/TLST-DS, ngày 09 tháng 4 năm 2025 việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B1 (viết tắt là BV B2).

Trụ sở: Tòa nhà HM T, D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Tòa nhà HM T, D N, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh ).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình A - Chức vụ: Giám đốc TT.QL&THN (theo giấy ủy quyền số 846/23/BVBank/UQ-QL&THN ngày 14/12/2023).

Người đại diện theo ủy quyền ông A: Ông Trịnh Công D – Chức vụ: nhân viên (theo giấy ủy quyền số 74/25/BVBank/UQ-QL&THN ngày 21/01/2025).

*Bị đơn:*

1. Ông Trần Xuân B, sinh năm 1984;

2. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, tỉnh Tây Ninh (trước đây là Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An).

*(Các đương sự có mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B1 (BV B2) do ông Trịnh Công D đại diện trình bày:*

Ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H đã ký với BV B2 Hợp đồng tín dụng hạn mức KHCN số 0812200022000 ngày 31/10/2022 để vay vốn tại BV B2, chi tiết như sau: Hạn mức tín dụng (HMTD) là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn chăn nuôi gà; Thời hạn hiệu lực đến hết ngày 31/10/2025; Lãi suất vay được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ;

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, BV B2 đã giải ngân cho ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H 01 (Một) Giấy nhận nợ, với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Ông Trần Xuân B đã ký với BV B2 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 08122000127TD ngày 29/11/2022, chi tiết như sau: hạn mức thẻ là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); lãi suất thẻ được quy định trong Hợp đồng mở thẻ của BV B2.

Khoản nợ trên được đảm bảo bằng các biện pháp bảo đảm sau:

Thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà, công trình xây dựng khác, rừng trồng, vườn cây, các tài sản khác gắn liền với đất (kể cả trường hợp tài sản này hình thành trong tương lai) tại thửa đất số 347, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG584369, số vào sổ cấp GCN: CS17465 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp 22/8/2022.

Tài sản bảo đảm trên được thế chấp cho BV B2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0812200022100 ngày 31/10/2022, được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng: 8333, quyền số 10/2022/TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Long An.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H không trả nợ đầy đủ, đúng hạn cho BV B2. BV B2 đã nhiều lần liên hệ, đốc thúc khách hàng thanh toán nhưng đến nay ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H vẫn không thanh toán nợ vay cho BV B2. Vì vậy, ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ, Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng thẻ tín dụng và các cam kết đã ký với BV B2 (nếu có).

Ngày 23/10/2024, BV B2 phát hành Thông báo thu hồi nợ trước hạn toàn bộ khoản nợ của ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H tại BV B2.

Tạm tính đến ngày 22/7/2025, tổng nghĩa vụ nợ của ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H tại BV B2 là 1.140.308.921 đồng, trong đó: nợ gốc là 996.637.628 đồng, nợ lãi là 143.671.293 đồng.

Nay yêu cầu tòa án giải quyết:

- Buộc của ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán cho BV B2 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 22/7/2025 là 1.140.308.921 đồng, trong đó: nợ gốc là 996.637.628 đồng, nợ lãi là 143.671.293 đồng.

- Buộc ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Giấy nhận nợ, Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng thế tín dụng và các cam kết đã ký với BV B2 (nếu có) tính kể từ ngày 23/7/2025 đến ngày trả dứt nợ.

Trường hợp ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì BV B2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà, công trình xây dựng khác, rừng trồng, vườn cây, các tài sản khác gắn liền với đất (kể cả trường hợp tài sản này hình thành trong tương lai) tại thửa đất số 347, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG584369, số vào sổ cấp GCN: CS17465 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp 22/8/2022.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại BV B2 thì ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả hết số tiền nợ còn thiếu cho BV B2.

Buộc ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu toàn bộ chi phí trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

*Bị đơn ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H thống nhất trình bày:*

Ông bà thừa nhận có vay Ngân hàng TMCP B1 (BV B2) số tiền là 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức KHCN số 0812200022000 ngày 31/10/2022 và hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 08122000127TD ngày 29/11/2022 số tiền 40.000.000 đồng như ngân hàng trình bày nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên ông bà không thanh toán nợ đến hạn dẫn đến nợ quá hạn.

Hiện tại vợ chồng bà còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 996.637.628 đồng, Về lãi suất quá hạn, phạt chậm trả như thỏa thuận theo thỏa thuận như ngân hàng trình bày, Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên: Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà, công trình xây dựng khác, rừng trồng, vườn cây, các tài sản khác gắn liền với đất (kể cả trường hợp tài sản này hình thành trong tương lai) tại thửa đất số 347, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG584369, số vào sổ cấp GCN: CS17465 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp 22/8/2022.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B1 (BV B2) khởi kiện thì ông bà thống nhất, nhưng ông bà không còn khả năng thanh toán cho Ngân hàng TMCP B1 (BV B2) số tiền 1.140.308.921 đồng, trong đó, nợ gốc là 996.637.628 đồng, nợ lãi là 143.671.293 đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh phát biểu:*

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, các khoản vay của hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bị đơn đã quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc và cho khách hàng thời hạn trả nợ nhưng vẫn không thực hiện trả nợ đúng cam kết. Do đó, Ngân hàng TMCP B1 khởi kiện yêu cầu buộc ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho BV B2 và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1 khởi kiện yêu cầu ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H trả tiền vay và tiền lãi theo Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1 với ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H có địa chỉ cư trú tại xã M, tỉnh Tây Ninh nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Xác định tư cách đương sự: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1 xác định nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1, bị đơn là ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B1:

[2.1] Về trả tiền vay và tiền lãi: Ngân hàng TMCP B1 yêu cầu buộc ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng tạm tính đến số tiền tạm tính đến 22/7/2025 là 1.140.308.921 đồng, trong đó: nợ gốc là 996.637.628 đồng, nợ lãi là 143.671.293 đồng.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng hạn mức KHCN số 0812200022000 ngày 31/10/2022 để vay vốn tại BV B2, chi tiết như sau: Hạn mức tín dụng (HMTD) là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn chăn nuôi gà; Thời hạn hiệu lực đến hết ngày 31/10/2025; Lãi suất vay được ghi cụ thể trên Giấy nhận nợ; Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 31/10/2022, BV B2 đã giải ngân cho ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H 01 (Một) Giấy nhận nợ, với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 08122000127TD ngày 29/11/2022, thẻ hiện ông Trần Xuân B đã ký với BV B2 thẻ

tín dụng, hạn mức thẻ là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); lãi suất thẻ được quy định trong Hợp đồng mở thẻ của BV B2.

Xét thấy: đến hạn thanh toán khoản nợ vay của BV B2 tuy nhiên ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H đã không thanh toán nợ gốc và nợ lãi, ông T, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với BV B2 tại Điều 5 “Nhận nợ, trả nợ gốc và lãi” của Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung và Điều 14 “Trả nợ gốc lãi” của Hợp đồng cho vay. Do đó, căn cứ Điều 10, Điều 11 của Hợp đồng cho vay, BV B2 ra Thông báo thu hồi nợ và chuyển nợ quá hạn từ ngày và tính lãi quá hạn của toàn bộ dư nợ gốc chưa trả của các Khế ước nhận nợ nêu trên. Lãi suất quá hạn áp dụng bằng 150% lãi trong hạn. Ngoài ra, ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H còn phải chịu tiền phạt chậm trả lãi đối với các khoản lãi chưa trả hết cho BV B2 căn cứ theo các thỏa thuận tại các Thỏa thuận tín dụng, Hợp đồng cho vay và các Khế ước nhận nợ đã ký kết. Tại phiên tòa, ông B, bà H cũng thống nhất số tiền nợ gốc, nợ lãi theo yêu cầu BV B2, nhưng ông bà không còn khả năng thanh toán, xin trả dần, không được phí đại diện BV B2 đồng ý.

Từ những căn cứ trên, BV B2 khởi kiện ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả là có căn cứ theo quy định tại các Điều 91, 98, Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của BV B2, buộc ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng tạm tính đến ngày 22/7/2025 là 1.140.308.921 đồng, trong đó: nợ gốc là 996.637.628 đồng, nợ lãi là 143.671.293 đồng, thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và tiếp tục trả tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày kế tiếp của ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong.

[3.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng TMCP B1 yêu cầu trong trường hợp ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP B1 có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 347, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG584369, số vào sổ cấp GCN: CS17465 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp 22/8/2022, để thu hồi nợ.

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp được ký kết hoàn toàn tự nguyện, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Điều 27 Luật đất đai 2024. Do đó, xử lý tài sản thế chấp xử lý tài sản thế chấp của BV B2 phù hợp với quy định tại Điều 299, Điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của BV B2.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, xác minh là 5.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B1 được chấp nhận nên ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu toàn bộ chi phí này.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B1 được chấp nhận nên ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí. Ngân hàng TMCP B1 không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 295, 298, 299, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 323, 335, 342, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 98, Điều 99, 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26, 27 Luật đất đai năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1/ Buộc ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B1 số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/7/2025 là 1.140.308.921 đồng, trong đó: nợ gốc là 996.637.628 đồng, nợ lãi là 143.671.293 đồng. Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 23/7/2025, ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Trường hợp ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ theo Hợp đồng nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 347, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: xã M, tỉnh Tây Ninh (cũ là xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An), thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DG584369, sổ vào sổ cấp GCN: CS17465 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp 22/8/2022, để thu hồi nợ.

3/ Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ thanh toán hết nợ tại Ngân hàng TMCP B1 thì ông Trần Xuân B và bà Nguyễn Thị Kim H vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả hết số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP B1.

4/ Về chi phí tố tụng: ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu là 5.000.000 đồng. Do Ngân hàng TMCP B1 đã nộp tạm ứng nên buộc ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP B1.

5/ Về án phí sơ thẩm:

- Ông Trần Xuân B, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 46.209.268 đồng (bốn mươi sáu triệu, hai trăm lẻ chín nghìn, hai trăm sáu mươi tám đồng) án phí sung ngân sách nhà nước.

- Ngân hàng TMCP B1 không phải chịu án phí, hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.371.000 đồng (hai mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006482 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh).

6/ Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV3 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thùy Trang**